

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2017/DS-PT

Ngày: 14-12-2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST, ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện MC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 208/2017/QĐPT-DS ngày 14/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thu B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 480, tổ 18, ấp BQ, xã BP, huyện MC, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Ngọc M, sinh năm 1963;

Ông Trần Hữu C (A), sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: số 26, tổ 12, ấp BQ, xã BP, huyện MC, tỉnh An Giang.

Tất cả các đương sự trong vụ án có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2017 và các lời khai nguyên đơn bà Trương Thị Thu B trình bày: Vào ngày 15/3/2014 al bà có tham gia hui do bà M làm chủ hui loại hui 5 triệu đồng/tháng có 20 hui viên. Bà Thu B tham gia một phần hui,

chầu được 19 lần, hốt chót là 95.000.000đ. (Chín mươi lăm triệu đồng) trừ tiền huê hồng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) còn lại 93.000.000đ nhưng bà M không giao.

Dây hội thứ 2: Khai ngày 10.12.2014 al hội 5.000.000 đ/tháng gồm 20 hội viên bà Thu B tham gia 01 phần chầu được 10 lần thì bà M ngưng không tiếp tục góp hội, bà chầu được số tiền là 39.700.000đ và phần tiền lời hội là 10.300.000đ tổng cộng được hưởng là 50.000.000đ trừ huê hồng 2.000.000đ còn 48.000.000đ. Tổng cộng 02 dây hội bà M thiếu bà 141.000.000đ bà M trả được 3.000.000đ còn lại 138.000.000đ.

Bị đơn bà Phạm Ngọc M trình bày thống nhất lời trình bày của bà Thu B có tham gia chơi hội của bà cụ thể khai ngày 15.3.2014 al hốt chót là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) trừ tiền huê hồng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) còn lại 93.000.000đ nhưng bà xin trả vốn 70.855.000đ. Dây hội 10.12.2014 al hội 5.000.000 đ/tháng gồm 20 hội viên bà Thu B tham gia 01 phần chầu được 10 lần được hưởng số tiền 50.000.000đ trừ huê hồng 2.000.000đ còn lại 48.000.000đ nhưng xin trả vốn 39.700.000đ, tổng cộng 02 dây hội là 110.555.000đ trả cho bà Thu B 3.000.000đ còn lại 107.555.000đ, nay xin trả phần vốn cho bà Thu B 107.555.000đ.

Ông Trần Hữu C thống nhất lời trình bày của vợ là bà Phạm Ngọc M không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST, ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện MC đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu B.
- Buộc ông Trần Hữu C và bà Phạm Ngọc M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị Thu B số tiền 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02 tháng 8 năm 2017, bị đơn ông Trần Hữu C làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại phần tính lãi của bản án sơ thẩm, xin trả dần theo từng tháng số tiền vốn cho bà Thu B, vì gia đình ông đang gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Thu B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất nguyên đơn có tham gia hai dây hội 5.000.000đồng/tháng, mở hội ngày 15/3/2014al và ngày 10/12/2014al do vợ chồng bị đơn làm chủ. Đối với dây hội mở ngày 15/3/2014al nguyên đơn đã làm tròn trách nhiệm của người hội viên là góp hội đầy đủ được 19 lần, khi hốt hội thì chủ hội phải có nghĩa vụ giao tiền cho hội viên, nhưng vợ chồng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả lại số tiền 93.000.000đ là có cơ sở. Đối với dây hội ngày 10/12/2014al nguyên đơn góp được 10 lần bằng 39.700.000đồng và được hưởng lãi suất 10.300.000đồng, tổng cộng 50.000.000đồng nhưng chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 48.000.000đồng là có lợi cho bị đơn, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 138.000.000đồng là phù hợp. Bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét phần lãi và xin trả dần nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý, bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ mới do đó không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn có đơn xin giảm án phí, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm giảm cho bị đơn một phần án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Hữu C:

Ông Trần Hữu C và bà Phạm Ngọc M thừa nhận bà Thu B có tham gia 2 dây hội 5.000.000đồng/tháng mở ngày 15/3/2014al và ngày 10/12/2014al do vợ chồng ông bà làm chủ, mỗi dây hội có 20 hội viên bà Thu B tham gia 1phần/1dây hội, nên đã làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng góp hội.

Đối với dây hội ngày 15/3/2014al bà Thu B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người hội viên, góp tiền hội cho vợ chồng bị đơn đến lần thứ 19 được 93.000.000đồng, lần thứ 20 thì được lĩnh hội chót; vợ chồng bị đơn làm chủ hội được nhận huê hồng từ các hội viên nên phải có trách nhiệm góp phần hội của các thành viên khác để giao cho bà Thu B. Tuy nhiên, khi bà Thu B được lĩnh hội chót số tiền 93.000.000đ, thì vợ chồng ông C, bà M vi phạm nghĩa vụ không giao tiền cho bà Thu B làm ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bà Thu B, do đó bà Thu B yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả 93.000.000đ là có cơ sở.

[2] Đối với dây hội ngày 10/12/2014al bà M, ông C cũng thừa nhận bà Thu B đã góp hội được 10 lần bằng số tiền 39.700.000đồng thì ngưng không tiếp tục góp nữa lý do hội bị bể. Là chủ hội thì bà M, ông C phải có nghĩa vụ thu lại 10 phần hội mà các thành viên trước đã hốt hội để trả lại cho bà Thu B 39.700.000đồng vốn góp và lãi suất được hưởng là 10.300.000đồng, tổng cộng 50.000.000đồng nhưng vợ chồng ông C không thực hiện, bà Thu B yêu cầu phải trả số tiền vốn và lãi của dây hội này là phù hợp, tuy nhiên bà Thu B chỉ yêu cầu bà M, ông C phải trả 48.000.000đồng là có lợi cho bà M, ông C.

Tổng cộng vợ chồng bà M phải có trách nhiệm trả cho bà Thu B số tiền của hai dây hụi trên là 141.000.000đồng, đã trả được 3.000.000đồng, còn lại 138.000.000đồng, cấp sơ thẩm buộc bà M, ông C phải trả cho bà Thu B 138.000.000đồng là có căn cứ.

Ông C kháng cáo yêu cầu được xem xét phần tính lãi của bản án sơ thẩm, xin trả dần theo từng tháng số tiền vốn là không có căn cứ xem xét và cũng không được bà Thu B đồng ý, ông C không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông C.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại giai đoạn phúc thẩm bà M, ông C có đơn xin giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương, do đó Hội đồng xét xử giảm cho bà M, ông C một phần án phí sơ thẩm; bà M, ông C còn phải nộp 3.450.000đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà M, ông C không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu C đối với yêu cầu xem xét lại phần tính lãi của Bản án sơ thẩm và xin trả dần số tiền vốn cho bà Trương Thị Thu B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST, ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện MC về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

Buộc ông Trần Hữu C và bà Phạm Ngọc M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị Thu B số tiền 138.000.000đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Hữu C và bà Phạm Ngọc M phải nộp 3.450.000đồng.

- Bà Trương Thị Thu B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013843 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC, tỉnh An Giang.

- Về án phí phúc thẩm: Bà M, ông C được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014212 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND - AG;
- TAND - MC;
- THA - MC;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng